

BÁO CÁO NHANH
Tình hình sản xuất nông nghiệp
(Đến ngày 15 tháng 9 năm 2023)

1. Kết quả sản xuất chủ yếu

a) Sản xuất lúa

STT	Địa phương	Vụ Hè Thu 2023				Vụ Thu Đông 2023	
		Kế hoạch (ha)	Diện tích gieo sạ (ha)	Thu hoạch		Kế hoạch (ha)	Diện tích gieo sạ (ha)
				DT (ha)	NS (tấn/ha)		
01	Giang Thành	29.000	29.090	19.100	5,80	14.000	14.170
02	Kiên Lương	22.500	22.000	6.120	5,73		
03	Hòn Đất	79.000	78.976	40.614	5,40	5.000	5.304
04	Tp.Rạch Giá	5.480	5.394	5.145	5,20	700	817
05	Châu Thành	19.020	18.995	16.157	5,70	5.500	6.030
06	Tân Hiệp	36.600	36.598	36.598	6,00	21.000	30.821
07	Giồng Riềng	46.800	46.740	46.740	5,70	24.500	27.082
08	Gò Quao	25.300	25.206	17.094	5,94	500	640
09	An Biên	5.600	5.618				
10	Vĩnh Thuận	3.700	3.253				
11	UM.Thượng	6.350	6.308				
Tổng cộng		279.350	278.178	187.815	5,71	71.200	84.864

b) Sản xuất vụ nuôi tôm nước lợ năm 2023

STT	Địa phương	Kế hoạch (ha)	Diện tích (ha)				Sản lượng thu hoạch (tấn)
			Tổng số	Trong đó			
				Nuôi CN	Tôm lúa	Tôm QCCT	
01	Tp. Hà Tiên	2.460	2.234	582		1.652	5.046
02	Kiên Lương	8.050	7.391	2.241	900	4.250	25.506
03	Giang Thành	3.400	3.253	253		3.000	3.556
04	Hòn Đất	6.350	4.280	450	2.350	1.480	5.267
05	An Biên	25.500	25.332	21	21.570	3.741	12.672
06	An Minh	47.800	47.840	36	39.080	8.724	26.593
07	Vĩnh Thuận	30.370	30.383		30.383		21.565
08	UM.Thượng	9.300	9.300		9.300		5.011
09	Gò Quao	4.200	4.890		2.720	2.170	3.117
Tổng cộng		137.430	134.903	3.583	106.303	25.017	108.333
<i>Đạt KH (%)</i>			<i>98,16</i>	<i>79,62</i>	<i>98,16</i>	<i>101,57</i>	<i>89,90</i>
<i>Cùng kỳ (%)</i>			<i>94,60</i>	<i>108,58</i>	<i>96,61</i>	<i>85,47</i>	<i>109,55</i>

2. Tình hình chung

- **Lúa vụ Hè Thu 2023:** Diện tích gieo trồng được 278.178 ha/279.350 ha, đạt 99,58% kế hoạch và 99,46% cùng kỳ. Diện tích thu hoạch được 187.815 ha, đạt 67,52% diện tích gieo trồng, năng suất bình quân ước đạt 5,71 tấn/ha, ước sản lượng 1.072.866 tấn, đạt 67,34% kế hoạch.

- **Lúa vụ Thu Đông 2023:** Diện tích gieo trồng được 84.864 ha/71.200 ha, đạt 119,19% kế hoạch. Tập trung ở các huyện Giồng Riềng, Tân Hiệp, Châu Thành, Hòn Đất, Giang Thành và Tp. Rạch Giá.

- **Lúa vụ Mùa 2023-2024:** Diện tích gieo trồng được 6.475 ha. Tập trung ở các huyện Giang Thành, An Biên và An Minh.

- **Vụ nuôi tôm nước lợ năm 2023:** Diện tích thả nuôi được 134.903 ha/137.430 ha, đạt 98,16% kế hoạch và đạt 94,60% so cùng kỳ. Trong đó, diện tích nuôi tôm công nghiệp 3.583 ha; nuôi tôm quảng canh-quảng canh cải tiến 25.017 ha và nuôi tôm - lúa 106.303 ha, sản lượng thu hoạch đến nay ước đạt 108.333 tấn/120.500 tấn, đạt 89,90% kế hoạch và tăng 09,55% so cùng kỳ.

3. Tình hình sinh vật gây hại trên lúa

Tổng diện tích nhiễm sâu, bệnh trên lúa Hè Thu và Thu Đông 2023 là 6.403 ha (giảm 6.152 ha so với tuần trước). Trong đó, diện tích nhiễm trên lúa Hè Thu là 3.485 ha và Thu Đông là 2.918 ha. Các đối tượng dịch hại bao gồm: Bệnh lem lép hạt diện tích nhiễm trên lúa Hè Thu và Thu Đông là 3.191 ha (giảm 3.807 ha so tuần trước). Trong đó, diện tích nhiễm trên lúa Hè Thu là 2.222 ha và trên lúa Thu Đông là 969 ha; Bệnh cháy bìa lá diện tích nhiễm trên lúa Hè Thu và Thu Đông là 1.738 ha (giảm 739 ha so tuần trước). Trong đó, diện tích nhiễm trên lúa Hè Thu là 522 ha và trên lúa Thu Đông là 1.216 ha; Rầy nâu diện tích nhiễm trên lúa Hè Thu và Thu Đông là 306 ha (giảm 1.398 ha so với tuần trước). Trong đó, diện tích nhiễm trên lúa Hè Thu là 299 ha và trên lúa Thu Đông là 7 ha. Ngoài ra các đối tượng gây hại khác như: Bệnh đạo ôn cổ bông, bệnh đạo ôn lá, chuột, OBV, sâu đục thân, sâu phao, bệnh đốm vằn, ngộ độc phèn, ... xuất hiện và gây hại ở mức rải rác đến nhẹ, không ảnh hưởng đến sinh trưởng cây lúa.

4. Thông tin thị trường

- | | | |
|-----------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|
| - Lúa thường (tươi): 7.700-7.800đ | - Heo hơi: 55.000đ-58.000 đ | - Urê: 10.400-10.600đ |
| - Lúa CLC (tươi): 7.800-8.200đ | - Tôm sú (30c/kg): 145.000đ-150.000đ | - NPK (16-16-8): 15.500đ |
| - Gạo thường: 14.000đ-14.100đ | - Tôm thẻ (100c/kg): 75.000đ-78.000đ | - NPK (20-20-15): 20.500đ |
| - Gạo CLC: 16.900đ-17.800đ | - Cá bóp: 155.000-160.000đ. | - KCL: 15.000 đ - DAP: 21.000đ |

Nơi nhận:

- Cục trồng trọt (I+II), Vụ nuôi trồng TS;
- TT Tin học & Thống kê (Bộ NN);
- VP.TU, VP.UBND tỉnh;
- Cục Thống kê, Sở KH-ĐT, Sở Công Thương;
- BGD Sở;
- Phòng NN & PTNT, Kinh tế các huyện, Tp;
- Website Sở;
- Lưu: VT, KH-TC, hngoc.



Nguyễn Thị Hồng Liên